

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN XUÂN LỘC  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **144/2020/HS-ST**

Ngày: 23-9-2020.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Võ Anh Dũng**.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **Nguyễn Thị Thủy**.

2. Bà **Vũ Thị Đượm**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Đinh Thị Hạ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa:**

Bà **Nguyễn Phương Dung** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 98/2020/HSST ngày 14 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, đối với các bị cáo:

**1. NGUYỄN THỊ K (U)**, sinh năm: 1976, tại Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: Ấp TN, xã XT, huyện TN, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn R, sinh năm: 1930 (đã chết) và bà Nguyễn Thị A, sinh năm: 1940; Chồng: Nguyễn Văn T, sinh năm: 1970; Có 02 người con, sinh năm: 1997 và 2004; Tiền sự, tiền án: Không; Bị bắt tạm giữ từ ngày **02-02-2020** đến ngày **09-02-2020** được tại ngoại.

**2. NGUYỄN THANH D**, sinh năm: 1982, tại Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: Ấp S, xã XT, huyện XL, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; cha: Không xác định được họ tên, lai lịch, mẹ Nguyễn Thị U, sinh năm: 1963; Vợ: Lê Thị Thanh Y, sinh năm: 1983; Có 02 người con, sinh năm: 2002 và 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ từ ngày **02-02-2020** đến ngày **09-02-2020** được tại ngoại.

**3. NGUYỄN THỊ MỸ L**, sinh năm: 1979, tại Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: Ấp 3, xã TĐ, huyện CM, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 1954 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm: 1954 (đã chết); Chồng: Nguyễn Thành R, sinh năm: 1980; Có 02 người con, sinh năm: 2000 và 2006; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ từ ngày **02-02-2020** đến ngày **09-02-2020** được tại ngoại.

**4. NGUYỄN THỊ N**, sinh năm: 1972, tại Hà Giang; Nơi đăng ký thường trú: Ấp Gia Ui, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1949 (đã chết) và bà Đàm Thị M, sinh năm: 1947 (đã chết); Chồng: Phạm H, sinh năm: 1966, đã ly hôn; Có 02 người con, sinh năm: 1992 và 1995; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ từ ngày **02-02-2020** đến ngày **09-02-2020** được tại ngoại.

**5. NGUYỄN D**, sinh năm: 1969, tại Bình Thuận; Nơi đăng ký thường trú: Ấp 1, xã XT, huyện XL, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn E, sinh năm: 1935 (đã chết) và bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1935 (đã chết); Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ từ ngày **02-02-2020** đến ngày **09-02-2020** được tại ngoại.

**6. NGUYỄN V**, sinh năm: 1978, tại Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: Ấp G, xã XT, huyện XL, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn U, sinh năm: 1939 (đã chết) và bà Phạm Thị L, sinh năm: 1949; Vợ: Huỳnh Thị Mộng I, sinh năm: 1990; Có 04 người con, lớn nhất, sinh năm: 1995 nhỏ nhất, sinh năm: 2019; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại Bản án số **04/2017/HSST** ngày 10-01-2017, của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xử phạt 03 tháng 10 ngày tù về tội “Đánh bạc”, đã chấp hành xong bản án.

Bị bắt tạm giữ từ ngày **02-02-2020** đến ngày **09-02-2020** được tại ngoại.

**7. BÁO THỊ X (Q)**, sinh năm: 1964, tại Bình Thuận; Nơi đăng ký thường trú: Thôn TĐ, xã HL, huyện HTB, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Chăm; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lâm Quốc Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị O (đã chết); Chồng thứ 2: Trần Ngọc G, sinh năm: 1963; Có 04 người con, lớn nhất sinh năm: 1988, nhỏ nhất sinh năm: 1995; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại.

**8. PHẠM KIM K**, sinh năm: 1965, tại Bình Dương; Nơi đăng ký thường trú: Ấp TN, xã XT, huyện TN, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở: Ấp 1, xã X, huyện XL, tỉnh

Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Thanh U (đã chết) và bà Nguyễn Thị F (đã chết); Chồng: Nguyễn Duy Q, sinh năm: 1966; Có 01 người con, sinh năm: 2006; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại.

**9. NGUYỄN VĂN T**, sinh năm: 1970, tại Vĩnh Long; Nơi đăng ký thường trú: Ấp S, xã XT, huyện XL, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1932 và bà Dương Thị M (đã chết); Vợ: Nguyễn Thị K, sinh năm: 1976; Có 02 người con, sinh năm: 1995 và 2004; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại.

*(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)*

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị **Huỳnh Thị Mộng I**, sinh năm: 1991. *(có mặt)*

Địa chỉ: Ấp T, xã XT, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

+ Chị **Nguyễn Thị Xuân G**, sinh năm: 1977. *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Nhà số 7, hẻm 2, tổ 12 HT, phường VH, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 20 giờ 35 phút ngày 02-02-2020, Công an xã Xuân Tâm bắt quả tang Nguyễn Thanh D, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị N, Nguyễn V, Nguyễn D đang đánh bài “cào tó” thắng thua bằng tiền tại nhà của Nguyễn Thị K, thuộc ấp 1, xã X, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Quá trình điều tra xác định:

Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 02-02-2020, Nguyễn Thanh D, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị N, Báo Thị X đến quán bán nước tại nhà của Nguyễn Thị K bàn bạc sử dụng phòng khách nhà K ở làm địa điểm đánh bài “cắt tê” thắng thua bằng tiền, Nguyễn Thị K đồng ý, K cung cấp bài, mền ... thu tiền xâu 10.000 đồng/1 lần thay bài và cùng tham gia chơi.

Hình thức đánh bạc “cắt tê” như sau: Người chơi sử dụng bộ bài tây 52 lá, chia mỗi người 06 lá bài, sau cùng lật ngửa lên 01 lá bài gọi là “lá bài cá nước”. Nếu tụ bài nào có tứ quý (04 lá bài cùng chữ hoặc cùng số), 06 lá bài cùng chất (cơ, rô, chuồng, bích), thì được xử thắng ngay (thắng trắng); nếu trong 01 ván có từ 02 người thắng trắng trở lên thì theo thứ tự tứ quý rồi đến cùng chất, tứ quý nào lớn hơn thì thắng, bài cùng chất lớn hơn thì thắng. Ván bài được chia và đánh theo vòng, người bắt đầu vòng chơi đánh xuống 01 lá bài, người tiếp theo có thể đánh xuống 01 lá bài cùng chất lớn hơn lá bài vừa đánh hoặc úp xuống 01 lá bài

bất kỳ, nếu người nào úp xuống 04 lá bài thì bị xử thua. Sau 04 vòng chơi thì người chơi giữ lại 02 lá bài để chung ra, lá bài của người nào lớn nhất thì thắng. Ngoài ra, người chơi còn tham gia cá nước, là khi kết thúc ván bài thì so sánh trong 06 lá bài của mình, người nào có lá bài cùng chất với “lá bài cá nước” và lớn nhất thì thắng. Mỗi ván bài thắng thua 20.000 đồng (gồm 10.000 đồng theo vòng và 10.000 đồng “cá nước”).

Số tiền các bị cáo khai nhận đem theo và sử dụng đánh bài như sau: K 100.000 (Một trăm nghìn) đồng, L 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng, X 140.000 (Một trăm bốn mươi nghìn) đồng; D 9.000.000 (Chín triệu) đồng; N đem theo 25.400.000 (Hai mươi lăm triệu bốn trăm nghìn) đồng, nhưng chỉ dùng 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng để đánh bài. Tổng số tiền Nguyễn Thanh D, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị N, Báo Thị X và Nguyễn Thị K sử dụng để đánh bài là 11.240.000 (Mười một triệu hai trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Đến khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày, Phạm Kim K đến, đem theo 140.000 (Một trăm bốn mươi nghìn) đồng cùng tham gia chơi đánh bài. K chơi thêm khoảng 5 ván thì nghỉ, còn lại số tiền 100.000 đồng. D, L, N, X, K tiếp tục chơi đánh bài đến khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày thì X và K nghỉ chơi. Lúc này, D thắng số tiền 130.000 đồng, số tiền có được 9.130.000 đồng; L thua 180.000 đồng, còn lại số tiền 320.000 đồng; N thắng 60.000 đồng, có được 1.560.000 đồng; X thắng 20.000 đồng, còn lại 160.000 đồng; K thua 40.000 đồng, còn lại 100.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bài đoạn này là 11.380.000 (Mười một triệu ba trăm tám mươi nghìn) đồng.

Lúc đó, Nguyễn Văn T (chồng của K) đi làm về nên D, L, N, T đánh bài “cào tổ”, K thu tiền xâu 10.000 đồng/1 lần thay bài.

Tại thời điểm này số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bài là: D 9.130.000 đồng; L 320.000 đồng; N 1.560.000 đồng; T 300.000 đồng, tổng cộng là 11.310.000 đồng.

Hình thức đánh bài “cào tổ” như sau: Những người chơi sử dụng bộ bài tây 52 lá, người thắng ván trước sẽ được chia bài, mỗi tụ được chia 3 lá bài, các lá bài còn dư thì đặt úp giữa chiếu bạc. Trước khi chia bài các tụ đặt trước 10.000 đồng gọi là tiền đường, sau khi chia bài xong các tụ xem bài của mình và lựa chọn tổ, theo hoặc úp bài. Trong đó: Tổ, tức người chơi có quyền cược thêm tiền tụ của mình với số 10.000 đồng/lần tổ; nếu tụ nào theo, thì phải bỏ ra số tiền như người tổ bỏ ra; nếu không theo thì úp bài, chấp nhận thua, mỗi tụ được quyền tổ tối đa 02 lần. Sau khi tổ xong những tụ bài tham gia tổ đến hết lượt thì mở bài đối chiếu tính kết quả thắng thua. Cách tính thắng thua: Các lá bài “2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10” thì có số điểm tương ứng số của lá bài đó, các lá bài “J, Q, K” là 10 điểm; lá bài A (còn gọi là lá xì hay lá át) tính 1 điểm. Điểm bài là tổng điểm các lá bài cộng lại trừ đi hàng chục, xếp thứ tự thắng thua là: Lớn nhất 03 lá bài cùng quân bài gọi là ba cào, đến 03 lá bài liên

tiếp tạo thành sảnh gọi là liêng, tiếp theo 03 lá bài bất kỳ là các quân bài J, Q, K gọi là 03 tiên, đến tính điểm (tụ nào có số điểm cao nhất sẽ thắng). Nếu có hai tụ bài cùng ba cào thì 3 lá bài A lớn nhất, nhỏ nhất 03 lá 2; cùng liêng thì Q, K, A lớn nhất, nhỏ nhất là A, 2, 3; cùng 03 tiên cùng điểm thì có đôi lớn hơn, rồi tính đến từng quân bài lớn nhỏ. Hình thức đánh bài cào tổ không phân biệt nhà cái mà mỗi ván chỉ có 01 tụ lớn nhất thắng hết số tiền đặt cược trong ván.

Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, T thua 80.000 đồng, còn lại 220.000 đồng và nghỉ chơi. Lúc này, Nguyễn D đến mượn K 1.000.000 đồng dùng để đánh bài. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Nguyễn V đem theo 1.300.000 đồng đến tham gia đánh bài cùng với D, N, L, D. Tổng số tiền D, L, N, D, V sử dụng để đánh bài lúc này là 13.390.000 (Mười ba triệu ba trăm chín mươi nghìn) đồng.

Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, bị lực lượng Công an bắt quả tang. Tổng số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 6.990.000 đồng, trong đó: Thu giữ 120.000 đồng ngay vị trí giữa chiếu bạc; 130.000 đồng trong ca nhựa (tiền xâu); tại vị trí ngồi của Nguyễn Thanh D 900.000 đồng, tại vị trí ngồi của Nguyễn Thị N 1.770.000 đồng, tại vị trí ngồi của Nguyễn Thị Mỹ L 1.060.000 đồng, tại vị trí ngồi của Nguyễn V 1.320.000 đồng và tại vị trí ngồi của Nguyễn D 1.690.000 đồng. Thu giữ trên người Nguyễn Thanh D 8.500.000 đồng, thu giữ trên người Nguyễn Thị N 24.400.000 đồng.

Ngoài ra, vào khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày, Nguyễn Thị Xuân G đến chơi nên K rủ X, K, G tham gia đánh bài “Cắt tê” thắng thua bằng tiền tại bàn ghế đá bên hông nhà Nguyễn Thị K, tất cả đồng ý. K vẫn thu tiền xâu 10.000 đồng/lần thay bài. Số tiền các đối tượng sử dụng để đánh bài là: K 100.000 đồng; X 160.000 đồng; K 100.000 đồng; G 240.000 đồng. Đánh bài đến khoảng 18 giờ 00 phút cùng ngày, thì nghỉ chơi, K thắng 60.000 đồng; X thua 20.000 đồng; K thua hết số tiền đem theo; G thua 40.000 đồng. Tổng số tiền K, X, K và G sử dụng để đánh bài là 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng.

Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Thị K, Nguyễn Thanh D, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị N, Nguyễn D, Nguyễn V, Báo Thị X, Phạm Kim K, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị Xuân G dùng để đánh bài tại 2 chiếu bạc là 16.710.000 (Mười sáu triệu bảy trăm mười nghìn) đồng.

**\* Vật chứng vụ án thu giữ:**

- 01 (Một) cái đĩa sành dùng đựng bài; 01 (Một) chiếc chiếu cói và 01 (Một) cái chăn hoa văn màu đỏ - vàng; 01 (Một) cái ca nhựa màu trắng; 09 (Chín) bộ bài tây 52 lá, đã qua sử dụng; 10 (Mười) bộ bài tây 52 lá, chưa sử dụng;
- 6.990.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc;
- 8.500.000 đồng thu giữ trên người Nguyễn Thanh D;

- 24.400.000 đồng thu giữ trên người Nguyễn Thị N, bị cáo sử dụng 1.500.000 đồng dùng để đánh bài; nên đã trả lại cho Nguyễn Thị N 23.900.000 đồng;

- 160.000 đồng Nguyễn Thị K giao nộp;
- 140.000 đồng Báo Thị X giao nộp;
- 220.000 đồng Nguyễn Văn T giao nộp;
- 200.000 đồng Nguyễn Thị Xuân G giao nộp;
- 01 (Một) cái điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đen; 01 (Một) chiếc xe mô tô mang biển số 60M3-1659, đã trả lại cho Nguyễn Thị N;
- 01 (Một) cái điện thoại di động nhãn hiệu Viettel, màu đen, đã trả lại cho bị cáo Nguyễn V;
- 01 (Một) chiếc xe mô tô mang biển số 60B5-383.50, đã trả lại cho chị Huỳnh Thị Mộng I.

Bản cáo trạng số **106/CT-VKSXL** ngày 05-7-2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai truy tố Nguyễn Thị K, Nguyễn Thanh D, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị N, Nguyễn D, Nguyễn V, Báo Thị X, Phạm Kim K, Nguyễn Văn T về tội: “*Đánh bạc*” quy định tại Khoản 1, Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 và truy tố Nguyễn Thị K về tội: “*Gá bạc*” quy định tại Khoản 1, Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo Nguyễn Thị K, Nguyễn Thanh D, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị N, Nguyễn D, Nguyễn V, Báo Thị X, Phạm Kim K, Nguyễn Văn T khai nhận đã thực hiện hành vi như nội dung Cáo trạng mô tả. Hành vi của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội: “*Đánh bạc*” đối với bị cáo Nguyễn Thị K còn phạm tội “*Gá bạc*”. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Thị K, Nguyễn Thanh D, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị N, Nguyễn D, Nguyễn V, Báo Thị X, Phạm Kim K, Nguyễn Văn T.

Các bị cáo Nguyễn Thanh D, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị N “Phạm tội 02 lần trở lên” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm g, Khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Các bị cáo Nguyễn Thanh D, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị N, Nguyễn D, Báo Thị X, Phạm Kim K, Nguyễn Văn T: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm i, s, Khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Các bị cáo Nguyễn Thị K, Nguyễn V thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm s, Khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Khoản 1, Điều 321; Điểm b, Khoản 1, Điều 322; Điểm s, Khoản 1, Điều 51; Khoản 2, Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Nguyễn Thị K từ **12** tháng đến **14** tháng tù về tội “Đánh bạc” và từ **14** tháng đến **16** tháng tù về tội “Gá bạc”, tổng hợp hình phạt cho 02 tội từ **02 năm 02 tháng đến 02 năm 6 tháng** tù;

- Áp dụng Khoản 1, Điều 321; Điểm i, s, Khoản 1, Điều 51, Khoản 2, Điều 51; Điểm g, Khoản 1, Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: Nguyễn Thanh D từ **12** đến **14** tháng tù;

- Áp dụng Khoản 1, Điều 321; Điểm i, s, Khoản 1, Điều 51, Khoản 2, Điều 51; Điểm g, Khoản 1, Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: Nguyễn Thị Mỹ L từ **09** đến **12** tháng tù;

- Áp dụng Khoản 1, Điều 321; Điểm i, s, Khoản 1, Điều 51, Khoản 2, Điều 51; Điểm g, Khoản 1, Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: Nguyễn Thị N từ **09** đến **12** tháng tù;

- Áp dụng Khoản 1, Điều 321; Điểm i, s, Khoản 1, Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: Nguyễn Văn T từ **09** đến **12** tháng tù;

- Áp dụng Khoản 1, Điều 321; Điểm i, s, Khoản 1, Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: Nguyễn D từ **09** đến **12** tháng tù;

- Áp dụng Khoản 1, Điều 321; Điểm s, Khoản 1, Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: Nguyễn V từ **12** đến **14** tháng tù;

- Áp dụng Khoản 1, Điều 321; Điểm i, s, Khoản 1, Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: Báo Thị X từ **09** đến **12** tháng tù;

- Áp dụng Khoản 1, Điều 321; Điểm i, s, Khoản 1, Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: Phạm Kim K từ **09** đến **12** tháng tù;

Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) cái đĩa sành; 01 (Một) chiếc chiếu cói; 01 (Một) cái chăn hoa văn màu đỏ - vàng; 01 (Một) cái ca nhựa màu trắng; 09 (Chín) bộ bài tây 52 lá, đã qua sử dụng; 10 (Mười) bộ bài tây 52 lá, chưa sử dụng;

- Tịch thu sung công: 16.710.000 (Mười sáu triệu bảy trăm mười nghìn) đồng, là tiền các bị cáo dùng để đánh bạc.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Xuân G: Chị sử dụng 240.000đồng tham gia đánh bài “cắt tê” ăn thua bằng tiền với bị cáo K,X, K, tổng số tiền sử dụng trong chiếu bạc là 600.000 đồng.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Mộng K: Chị đã nhận lại xe mô tô mang biển số 60B5-383.50, chị không có yêu cầu gì.

Lời nói sau cùng của các bị cáo Nguyễn Thị K, Nguyễn Thanh D, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị N, Nguyễn D, Nguyễn V, Báo Thị X, Phạm Kim K,

Nguyễn Văn T: Bị cáo đã ăn năn, hối cải, là lao động chính trong gia đình, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Xuân Lộc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo: Nguyễn Thị K, Nguyễn Thanh D, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị N, Nguyễn D, Nguyễn V, Báo Thị X, Phạm Kim K, Nguyễn Văn T khai nhận đã thực hiện hành vi như nội dung Bản cáo trạng nêu, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào lúc 20 giờ 35 phút ngày 02-02-2020, Công an xã Xuân Tâm bắt quả tang Nguyễn Thanh D, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị N, Nguyễn V, Nguyễn D đang thực hiện hành vi đánh bài “cào tố” tại nhà của Nguyễn Thị K, thuộc ấp 1, xã X, huyện XL, tỉnh Đồng Nai, thắng thua bằng tiền.

Các bị cáo khai nhận: Từ lúc 14 giờ 30 ngày 02-02-2020, Nguyễn Thị K đã cùng tham gia, cung cấp dụng cụ để đánh bài và sử dụng phòng khách của K ở cho: Nguyễn Thanh D, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị N, Nguyễn D, Nguyễn V, Báo Thị X, Phạm Kim K, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị Xuân G tham gia đánh bài “cắt tê” và “cào tố” thắng thua bằng tiền, cùng lúc cho 02 chiếu bạc, thu được 130.000 đồng tiền xâu. Tổng số tiền Nguyễn Thị K, Nguyễn Thanh D, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị N, Nguyễn D, Nguyễn V, Báo Thị X, Phạm Kim K, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị Xuân G dùng để đánh bài là 16.710.000 (Mười sáu triệu bảy trăm mười nghìn) đồng.

Đây là trường hợp nhiều người cùng đánh bạc với nhau. Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị K, Nguyễn Thanh D, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị N, Nguyễn D, Nguyễn V, Báo Thị X, Phạm Kim K, Nguyễn Văn T phạm tội: “*Đánh bạc*” theo Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 và bị cáo Nguyễn Thị K phạm tội: “*Gá bạc*” theo Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015, như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.



Hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, nên cần đưa ra xét xử và áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội, nhằm răn đe các bị cáo và để giáo dục, phòng ngừa chung.

[3] *Về tình tiết định khung hình phạt*: Tổng số tiền các bị cáo Nguyễn Thị K, Nguyễn Thanh D, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị N, Nguyễn D, Nguyễn V, Báo Thị X, Phạm Kim K, Nguyễn Văn T sử dụng để đánh bạc là 16.710.000 đồng (chưa đến 50.000.000 đồng), nên các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1, Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 và bị cáo Nguyễn Thị K thu lợi được 130.000 đồng (chưa đến 50.000.000 đồng) nên bị cáo K phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1, Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Nguyễn Thị K sử dụng nơi ở để các bị cáo đánh bạc; số tiền dùng để đánh bạc: Bị cáo Nguyễn Thanh D là nhiều nhất; tiếp đến là bị cáo Nguyễn Thị N; còn lại các bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn D, Nguyễn V, Báo Thị X, Phạm Kim K, Nguyễn Văn T tham gia tương đương nhau. Do đó, hình phạt áp dụng cho từng bị cáo là phụ thuộc vào vai trò thực hiện hành vi phạm tội.

[4] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo*:

Tất cả các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tất cả các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Mỹ L, Báo Thị X, Phạm Kim K là phụ nữ; bị cáo Báo Thị X là dân tộc thiểu số, là tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm i, s, Khoản 1 và Khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015. Do đó, cũng xem xét cho các bị cáo trong khi quyết định hình phạt và giao các bị cáo Nguyễn Thanh D; Nguyễn Thị N; Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn D, Nguyễn V, Báo Thị X, Phạm Kim K, Nguyễn Văn T cho chính quyền địa phương để các bị cáo tự cải tạo sửa chữa việc sai trái đã làm, cũng đủ răn đe các bị cáo và giáo dục phòng ngừa chung.

Ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Thanh D, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn D, Nguyễn V, Báo Thị X, Phạm Kim K để tương xứng với hành vi phạm tội.

Đối với Nguyễn Thị Xuân G tham gia đánh bài “cắt tê” thắng thua bằng tiền cùng Nguyễn Thị K, Báo Thị X, Phạm Kim K với tổng số tiền dùng đánh bạc trong chiều bạc là 600.000 đồng. Nguyễn Thị Xuân G không có tiền án, tiền sự về hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Xuân Lộc xử phạt vi phạm hành chính là hợp lý.

Đối với Nguyễn Văn T là chồng Nguyễn Thị K, việc bị cáo K sử dụng nhà ở chung của vợ chồng làm nơi đánh bạc để thu tiền tiêu, bị cáo T không biết nên không đồng phạm tội “Gá bạc”.

Các bị cáo Nguyễn Thanh D; Nguyễn Thị N; Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn D, Nguyễn V, Báo Thị X, Phạm Kim K, Nguyễn Văn T làm nông, thu nhập thấp, nên miễn khấu trừ thu nhập trong thời gian thi hành án.

[5] *Về vật chứng:*

- Tổng số tiền 16.710.000 (Mười sáu triệu bảy trăm mười nghìn) đồng, là tiền các bị cáo sử dụng trong đánh bạc, và thu lợi từ việc đánh bạc, nên tịch thu sung công.

- 01 (Một) cái đĩa sành; 01 (Một) chiếc chiếu cói và 01 (Một) cái chăn hoa văn màu đỏ - vàng; 01 (Một) cái ca nhựa màu trắng; 09 (Chín) bộ bài tây 52 lá, đã qua sử dụng; 10 (Mười) bộ bài tây 52 lá, chưa sử dụng, là dụng cụ dùng trong đánh bạc, nên tịch thu tiêu hủy.

[6] *Về án phí:*

Các bị cáo Nguyễn Thị K, Nguyễn Thanh D, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn D, Nguyễn V, Báo Thị X, Phạm Kim K, Nguyễn Văn T phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị K, Nguyễn Thanh D, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn D, Nguyễn V, Báo Thị X, Phạm Kim K, Nguyễn Văn T phạm tội: “Đánh bạc” và bị cáo Nguyễn Thị K phạm tội: “Gá bạc”.

1.1. Áp dụng Khoản 1, Điều 321; Khoản 1, Điều 322; Điểm i, s, Khoản 1, Điều 51; Khoản 2, Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 55; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015.

**Xử phạt: Nguyễn Thị K – 06 (Sáu) tháng tù, về tội: “Đánh bạc” và 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng về tội: “Gá bạc”,** buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho 02 tội là **06 (Sáu) tháng tù và 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng,** thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình, được khấu trừ thời gian tạm giữ trước đây từ ngày **02-02-2020** đến ngày **09-02-2020**.

1.2. Áp dụng Khoản 1, Khoản 3, Điều 321; Điểm i, s, Khoản 1, Điều 51; Khoản 2, Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

#### **Xử phạt:**

**1.2.1. Nguyễn Thanh D - 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm tính từ ngày tuyên án.**

Phạt bổ sung Nguyễn Thanh D **10.000.000 (Mười triệu) đồng.**

**1.2.2. Nguyễn Thị N - 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm tính từ ngày tuyên án.**

Phạt bổ sung Nguyễn Thị N **10.000.000 (Mười triệu) đồng.**

Giao các bị cáo Nguyễn Thanh D và Nguyễn Thị N cho Ủy ban nhân dân xã Xuân Tâm giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

\* Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

\* Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ **02 (Hai)** lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**1.3. Áp dụng Khoản 1, Khoản 3, Điều 321; Điểm i, s, Khoản 1, Điều 51; Khoản 2, Điều 51; Điều 36; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015.**

#### **Xử phạt:**

**1.3.1. Nguyễn Thị Mỹ L – 10 (Mười)** tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện CM, tỉnh Đồng Nai nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ trước đây từ ngày **02-02-2020** đến ngày **09-02-2020 (Tám ngày)** là tương đương **24 (Hai mươi bốn)** ngày cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung Nguyễn Thị Mỹ L **10.000.000 (Mười triệu)** đồng.

**1.3.2. Nguyễn D – 10 (Mười)** tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Xuân Tâm nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ trước đây từ ngày **02-02-2020** đến ngày **09-02-2020 (Tám ngày)** là tương đương **24 (Hai mươi bốn)** ngày cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung Nguyễn D **10.000.000 (Mười triệu)** đồng.

**1.3.3. Nguyễn V – 10 (Mười)** tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã XT nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Được khấu trừ thời gian tạm giam trước đây từ ngày **02-02-2020** đến ngày **09-02-2020 (Tám ngày)** là tương đương **24 (Hai mươi bốn)** ngày cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung Nguyễn V **10.000.000 (Mười triệu)** đồng.

**1.3.4. Báo Thị X – 10 (Mười)** tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã HL, huyện HTB, tỉnh Bình Thuận nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Phạt bổ sung Báo Thị X **10.000.000 (Mười triệu)** đồng.

**1.3.5. Phạm Kim K – 10 (Mười)** tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã XT, nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Phạt bổ sung Phạm Kim K **10.000.000 (Mười triệu)** đồng.

**1.4. Áp dụng Khoản 1, Điều 321; Điểm i, s, Khoản 1, Điều 51; Khoản 2, Điều 51; Điều 36; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015.**

**Xử phạt: Nguyễn Văn T – 10** (Mười) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã XT nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

**2. Về vật chứng:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

**2.1.** Tịch thu sung công: **16.710.000** (Mười sáu triệu bảy trăm mười nghìn) đồng

**2.2.** Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) cái đĩa sành; 01 (Một) chiếc chiếu cói và 01 (Một) cái chăn hoa văn màu đỏ - vàng; 01 (Một) cái ca nhựa màu trắng; 09 (Chín) bộ bài tây 52 lá, đã qua sử dụng; 10 (Mười) bộ bài tây 52 lá, chưa sử dụng.

Tất cả đã chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc ngày **13-7-2020**.

**3. Về án phí:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí.

Nguyễn Thị K, Nguyễn Thanh D, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn D, Nguyễn V, Báo Thị X, Phạm Kim K và Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải nộp **200.000** (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

**4. Về quyền kháng cáo đối với Bản án:** Các bị cáo, chị Huỳnh Thị Mộng I được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án; chị Nguyễn Thị Xuân G được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND. Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND. Tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Công an H.Xuân Lộc;
- VKSND H.Xuân Lộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự H.Xuân Lộc;
- UBND xã Xuân Tâm, H.Xuân Lộc; UBND xã TĐ, H.CM; UBND xã XT, H.N, T.Đồng Nai; UBND xã HL, H.HTB, T.Bình Thuận;
- Các bị cáo; Các Đương sự;
- Hồ sơ thi hành án;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Anh Dũng**